

THÔNG TƯ

Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại, bao gồm:

a) Thành lập, khai trương hoạt động, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài;

b) Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch;

c) Chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch; chuyển đổi phòng giao dịch ở trong nước thành chi nhánh của ngân hàng thương mại thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

2. Thông tư này quy định việc thông báo thông tin về thành lập, thay đổi

địa điểm, giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại* bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

2. *Chi nhánh* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng thương mại theo phân cấp của ngân hàng thương mại và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. *Phòng giao dịch* là loại hình chi nhánh, được quản lý bởi một chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh quản lý. Phòng giao dịch không được thực hiện:

a) Phê duyệt, quyết định cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam (sau đây gọi tắt là đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được đảm bảo toàn bộ bằng tiền, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước;

b) Cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế, chuyển tiền quốc tế.

4. *Chi nhánh quản lý phòng giao dịch* là chi nhánh được giao thực hiện một số nội dung quản lý đối với phòng giao dịch trên địa bàn cùng một tỉnh, thành phố theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại và phù hợp với quy định của Thông tư này.

5. *Văn phòng đại diện* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

6. *Đơn vị sự nghiệp* là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng

thương mại, bao gồm:

- a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng thương mại;
- b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại;
- c) Văn phòng liên lạc; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường;
- d) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;
- đ) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật.

7. *Ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại* (sau đây gọi là ngân hàng con ở nước ngoài) là ngân hàng mà ngân hàng thương mại hoặc ngân hàng thương mại và người có liên quan của ngân hàng thương mại sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, được thành lập tại nước ngoài theo quy định pháp luật nước ngoài.

8. *Thời điểm đề nghị* là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

9. *Khu vực nội thành thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh* bao gồm các phường của thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. *Khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh* bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi quy định tại khoản 9 Điều này.

11. *Vùng nông thôn* là địa giới đơn vị hành chính xã, đặc khu (không bao gồm đặc khu mà chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng của chính quyền địa phương ở phường).

12. *Người đứng đầu* là Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương, người đứng đầu văn phòng đại diện.

13. *Thông tin về người đứng đầu* bao gồm họ và tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc.

14. *Thông tin về tên* bao gồm tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có).

15. *Thông tin về địa chỉ* bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, email, website.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của ngân hàng thương mại

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể (trừ trường hợp tự

nguyên chấm dứt hoạt động) chi nhánh ở trong nước; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể (trừ trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động) phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận:

- a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Trong một số trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét quyết định chấp thuận:

a) Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại trên cơ sở hồ sơ, trình tự theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm:

(i) Phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, ngoại giao và điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ;

(ii) Hỗ trợ ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

b) Chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại trên cơ sở hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập chi nhánh ở trong nước quy định tại Thông tư này, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Các nội dung về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại để thực hiện phương án cơ cấu lại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, trình tự quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Nguyên tắc lập, gửi và trả hồ sơ

1. Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt. Các tài liệu bằng tiếng Việt được nộp phải là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu; trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. Các bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản của ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại ủy

quyền ký. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác phải bằng văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ của ngân hàng thương mại được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực bằng một trong những hình thức sau:

- a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

4. Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

5. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

Chương II

THÀNH LẬP ĐƠN VỊ THUỘC MẠNG LƯỚI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 6. Điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại

Để được thành lập chi nhánh ở trong nước, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng) và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro

trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

d) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

đ) Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc;

e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

g) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

h) Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này;

i) Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ ngân hàng thương mại không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a) Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong các tháng liền trước kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành

(trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng kể từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

đ) Các quy định tại các điểm đ, g và h khoản 1 Điều này.

Điều 7. Công thức xác định tổng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được thành lập

1. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:

$$300 \text{ tỷ đồng} \times N1 + 100 \text{ tỷ đồng} \times M1 + 50 \text{ tỷ đồng} \times N2 + 20 \text{ tỷ đồng} \times M2 < C$$

Trong đó:

- **C** là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) và tại tháng liền trước tháng đề nghị đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).

- **N1** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **N2** là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

- **M1** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

- **M2** là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.

2. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại các điểm N1, N2, M1, M2 nêu tại khoản 1 Điều này được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

Điều 8. Số lượng chi nhánh được thành lập

Ngoài đáp ứng yêu cầu về tổng số lượng chi nhánh quy định tại Điều 7 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

1. Ngân hàng thương mại được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại mỗi khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ

ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được thành lập không quá 03 chi nhánh và các chi nhánh này không được thành lập trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong một năm tài chính.

3. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được thành lập không quá năm (05) chi nhánh và số chi nhánh tại vùng nông thôn chiếm ít nhất 50% tổng số chi nhánh được thành lập trong một năm tài chính.

4. Ngoài số lượng quy định tại khoản 3 Điều này, ngân hàng thương mại đã hoàn tất thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh thì được thành lập tại các địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác số chi nhánh tương ứng với số chi nhánh đã chấm dứt hoạt động.

Điều 9. Điều kiện thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài

Để được thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Các điều kiện quy định tại điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ trường hợp không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

3. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).

4. Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

5. Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị.

Điều 10. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài

Để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị).

2. Trường hợp thành lập văn phòng đại diện, ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

Để được thành lập phòng giao dịch, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Các điều kiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch ở địa bàn không phải vùng nông thôn, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận (trừ trường hợp không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

3. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị);

b) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị;

d) Có chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị dương.

4. Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 7 và Điều 12 Thông tư này.

Điều 12. Số lượng phòng giao dịch được thành lập

Ngoài đáp ứng yêu cầu về tổng số lượng phòng giao dịch quy định tại Điều 7 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh không lớn hơn 02 lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này và không quá 20 phòng giao dịch.

2. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không lớn hơn 03 lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại tỉnh, thành phố đó.

3. Trường hợp có số lượng phòng giao dịch được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vượt quá số lượng quy định tại khoản 1, 2 Điều này hoặc có số lượng phòng giao dịch tại thời điểm đề nghị bằng số lượng quy định tại khoản 1, 2 Điều này, ngân hàng thương mại được thành lập thêm không quá 02 phòng giao dịch tại vùng nông thôn trên mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương này trong mỗi năm tài chính. Tổng số lượng phòng giao dịch được thành lập thêm theo quy định tại khoản này không vượt quá số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại trên mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại thời điểm đề nghị thành lập.

4. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 10 phòng giao dịch và số lượng phòng giao dịch tại vùng nông thôn chiếm ít nhất 50% tổng số phòng giao dịch được thành lập trong một năm tài chính.

5. Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi 01 chi nhánh do ngân hàng thương mại tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài

1. Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Đối với việc thành lập phòng giao dịch, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phải nêu rõ tên, địa điểm đặt trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch, các nghiệp vụ phòng giao dịch sẽ thực hiện, phạm vi hoạt động về mặt địa lý và đối tượng khách hàng chính.

3. Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông (đối với ngân hàng thương mại cổ phần); nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên); ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên) thông qua việc thành lập ngân hàng con ở nước ngoài.

4. Đề án thành lập chi nhánh ở trong nước, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa điểm đặt trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã); nội dung hoạt động; đối tượng khách hàng chính;

b) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;

c) Cơ cấu tổ chức: sơ đồ tổ chức gồm các phòng, ban của chi nhánh;

d) Nghiên cứu khả thi: phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

5. Đề án thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có), hình thức pháp lý (đối với ngân hàng con ở nước ngoài);

b) Địa điểm (tên quốc gia và địa chỉ cụ thể (nếu có));

c) Mức vốn cấp cho chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài;

d) Nội dung hoạt động; thời hạn hoạt động; đối tượng khách hàng chính;

đ) Lý do thành lập và lý do lựa chọn nước sở tại;

e) Cơ cấu tổ chức và mạng lưới: sơ đồ tổ chức gồm trụ sở chính, các phòng ban tại trụ sở chính; mạng lưới hoạt động của ngân hàng con ở nước ngoài (nếu có);

g) Thông tin pháp lý có liên quan: liệt kê các quy định có liên quan của nước sở tại về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập và hoạt động chi nhánh, ngân hàng con ở nước sở tại đó (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản);

h) Nghiên cứu khả thi: phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;

i) Phương thức kiểm soát của ngân hàng thương mại đối với chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó cần nêu được tối thiểu các nội dung sau: phương thức (thuê ngoài hay tự thực hiện) và lý do lựa chọn phương thức; tổ chức thực hiện phương thức; chi phí ước tính thực hiện phương thức; khó khăn dự kiến và giải pháp;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đối với ngân hàng con ở nước ngoài); căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;

l) Tác động và hiệu quả dự kiến của việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, các vấn đề (nếu có) về bảo đảm an toàn hoạt động đối với ngân hàng thương mại và các giải pháp; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và các giới hạn góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại sau khi thành lập ngân hàng con ở nước ngoài;

m) Phương án và biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại trong trường hợp chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại;

n) Thông tin về thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành

viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

6. Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải có báo cáo và cam kết không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định pháp luật trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

7. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước một lần trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

2. Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong trường hợp đề nghị mở chi nhánh ở trong nước);

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; có ý kiến về các địa bàn dự kiến mở chi nhánh, phòng giao dịch; việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch).

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 3 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia

của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước. Trường hợp chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận việc thành lập đối với từng chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước. Trường hợp chấp thuận văn phòng đại diện ở trong nước, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đối với từng văn phòng đại diện ở trong nước. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

7. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nêu tại khoản 5, 6 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà ngân hàng thương mại không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

8. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nêu tại khoản 6 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà ngân hàng thương mại không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

Chương III

KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM CÁC ĐƠN VỊ THUỘC MẠNG LƯỚI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH, CHUYỂN ĐỔI CHI NHÁNH Ở TRONG NƯỚC THÀNH PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 15. Khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch

1. Yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ. Trụ sở phòng giao dịch

không phải đáp ứng yêu cầu về đảm bảo lưu trữ chứng từ;

b) Trường hợp trụ sở chi nhánh có kho tiền thì kho tiền phải đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chở tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Trường hợp trụ sở chi nhánh không có kho tiền, chi nhánh phải chuyển tiền về chi nhánh có kho tiền sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc nếu ngân hàng thương mại có chi nhánh có kho tiền hoặc có hợp đồng sử dụng dịch vụ ngân quỹ với một tổ chức cung ứng dịch vụ ngân quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Chi nhánh, phòng giao dịch có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính và phòng giao dịch kết nối trực tuyến với chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;

đ) Chi nhánh, phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ nhân viên thực hiện nghiệp vụ tại phòng giao dịch, chi nhánh, trong đó Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch này không được kiêm nhiệm Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch khác và Giám đốc chi nhánh không được kiêm nhiệm Giám đốc phòng giao dịch;

e) Giám đốc chi nhánh hoặc các chức danh tương đương (đối với trường hợp khai trương hoạt động chi nhánh) đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch các nội dung sau đây:

a) Ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch;

b) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và có văn bản xác nhận việc đáp ứng yêu cầu hoặc không đáp ứng yêu cầu gửi ngân hàng thương mại.

4. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch sau khi nhận được văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1

Điều này, hoàn tất thủ tục pháp lý hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định.

Điều 16. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động. Văn bản báo cáo khai trương hoạt động của văn phòng đại diện bao gồm thông tin về ngày dự kiến khai trương hoạt động; thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của văn phòng đại diện.

2. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.

Điều 17. Thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch

1. Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, thay đổi tên phòng giao dịch.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch hoạt động theo tên mới, ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch việc thay đổi thông tin về tên của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, thay đổi tên phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động, ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

Điều 18. Chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch

1. Ngân hàng thương mại quyết định việc chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch; có các văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch về việc chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch và chi nhánh quản lý phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định việc chuyển đổi và kể từ ngày hoàn tất các thủ tục đưa phòng giao dịch đi vào hoạt động.

2. Việc chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch không phải đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Ngân hàng thương mại chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh không được thành lập thêm chi nhánh tại các khu vực này trong thời hạn 03 năm kể từ năm thực hiện việc chuyển đổi.

Điều 19. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch

1. Ngân hàng thương mại được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ các quy định sau:

a) Ngân hàng thương mại không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch từ khu vực vùng nông thôn đến khu vực không phải vùng nông thôn. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch thuộc vùng nông thôn căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị thay đổi địa điểm và tại thời điểm chấp thuận;

b) Ngân hàng thương mại không được phép thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch từ khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác đến khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hồ sơ thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

c) Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản này, ngân hàng thương mại gửi các văn bản báo cáo việc đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này và việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

3. Trình tự chấp thuận đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

4. Trình tự chấp thuận đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở về phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan và lý do thay đổi địa điểm. Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc cùng địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thì không cần thực hiện nội dung này;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

5. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tại điểm b khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

6. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại điểm b khoản 3 hoặc điểm d khoản 4 Điều này về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu này và có văn bản xác nhận việc đáp ứng điều kiện hoặc không đáp ứng điều kiện gửi ngân hàng thương mại, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở.

Việc thực hiện thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 2, 3, 4 Điều 15 Thông tư này.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm, ngân hàng thương mại có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về việc thay đổi thông tin về địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong thời hạn 07 làm việc ngày kể từ ngày thực hiện thay đổi.

Điều 20. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài hoạt động theo tên, địa điểm đặt trụ sở mới hoặc thay đổi địa chỉ của trụ sở văn phòng đại diện ở trong nước mà không thay đổi địa điểm, ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước về việc thay đổi này. Văn bản báo cáo về việc thay đổi tên, địa điểm của văn phòng đại diện ở trong nước bao gồm thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của văn phòng đại diện.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới.

Điều 21. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại

Việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

1. Ngân hàng thương mại quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch khi đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này và có

văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc trước ngày ngân hàng thương mại thực hiện thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Văn bản báo cáo bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh đang quản lý và chi nhánh sẽ tiếp nhận quản lý phòng giao dịch;
- b) Lý do thay đổi;
- c) Việc đáp ứng các điều kiện về chi nhánh quản lý phòng giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại thực hiện thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh quản lý phòng giao dịch về việc hoàn tất các thủ tục thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, trong đó có các thông tin phải gửi sang cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động quy định tại Điều 15 Thông tư này hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 19 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố thông tin sau đây:

a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động hoặc tên, địa điểm cũ, địa điểm mới đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước, thực hiện thay đổi theo quy định tại Điều 17, Điều 18, khoản 7 Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải công bố quyết định của ngân hàng thương mại về các nội dung này.

3. Ngân hàng thương mại phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại, trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng thương mại.

4. Ngân hàng thương mại phải gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước (Văn phòng Ngân hàng Nhà nước) đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, đăng tải trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Trong

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước (Văn phòng Ngân hàng Nhà nước) thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV

CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 24. Điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài

Ngân hàng thương mại được chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đảm bảo là ngân hàng con của ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư này sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý.

2. Trường hợp ngân hàng thương mại tăng vốn tại ngân hàng con khi ngân hàng con chuyển đổi hình thức pháp lý, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) Các điều kiện quy định tại các khoản 4, 5 Điều 9 Thông tư này.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài

1. Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (đối với ngân hàng thương mại cổ phần); nghị quyết của Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên) thông qua việc chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài.

3. Đề án chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

b) Địa điểm (tên quốc gia và địa chỉ cụ thể);

c) Mức vốn đã cấp cho ngân hàng con ở nước ngoài;

- d) Nội dung hoạt động; thời hạn hoạt động; đối tượng khách hàng chính;
- đ) Lý do chuyển đổi hình thức pháp lý;
- e) Mức vốn dự kiến cấp thêm hoặc mức vốn giảm tại ngân hàng con ở nước ngoài khi chuyển đổi hình thức pháp lý;
- g) Cơ cấu tổ chức và mạng lưới của ngân hàng con ở nước ngoài sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý: Sơ đồ tổ chức gồm trụ sở chính, các phòng ban tại trụ sở chính; mạng lưới hoạt động của ngân hàng con ở nước ngoài (nếu có);
- h) Thông tin pháp lý có liên quan: liệt kê các quy định có liên quan của nước sở tại về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước sở tại đó (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản);
- i) Nghiên cứu khả thi: phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý;
- k) Phương thức kiểm soát của ngân hàng thương mại đối với ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó cần nêu được tối thiểu các nội dung sau: phương thức (thuê ngoài hay tự thực hiện) và lý do lựa chọn phương thức; tổ chức thực hiện phương thức; chi phí ước tính thực hiện phương thức; khó khăn dự kiến và giải pháp;
- l) Phương án kinh doanh dự kiến của ngân hàng con ở nước ngoài trong 03 năm đầu sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;
- m) Tác động và hiệu quả dự kiến của việc chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài, các vấn đề (nếu có) về bảo đảm an toàn hoạt động đối với ngân hàng thương mại và các giải pháp; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và các giới hạn góp vốn mua, cổ phần của ngân hàng thương mại sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài;
- n) Phương án và biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại trong trường hợp ngân hàng con ở nước ngoài có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại;
- o) Thông tin thay đổi về thành viên góp vốn, cổ đông lớn; dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên góp vốn, cổ đông lớn của ngân hàng con ở nước ngoài khi chuyển đổi hình thức pháp lý.

4. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 26. Trình tự chấp thuận đủ điều kiện chuyển đổi hình thức pháp

lý ngân hàng con ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại lập hồ sơ theo quy định tại Điều 25 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 25 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký.

Chương V

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC MẠNG LƯỚI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Điều 27. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định pháp luật của nước sở tại nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài.

3. Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu liên quan việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động, giải thể ngân hàng thương mại.

Điều 29. Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước:

a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:

a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định

tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, ngân hàng thương mại phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về ngày chấm dứt hoạt động.

5. Đối với việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động.

Điều 30. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.

3. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại bị xem xét chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;

b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

4. Chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp chi nhánh có chênh lệch thu chi trong 03 năm liên tiếp âm, trừ các trường hợp sau:

a) Trụ sở chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại thành lập tại vùng nông thôn;

b) Chi nhánh mới đi vào hoạt động trong 03 năm đầu.

5. Chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận bằng văn bản.

6. Căn cứ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, Ngân hàng

Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.

7. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 6 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

8. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản theo quy định tại khoản 7 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại ngày chấm dứt hoạt động.

Điều 31. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại thực hiện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Tối thiểu 14 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), trong đó nêu rõ lý do và thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 32. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 28 Thông tư này) ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động giải thể trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với việc chấm dứt phòng giao dịch) của ngân hàng thương mại, đăng báo Trung ương và địa phương tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đặt trụ sở. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.

3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.

Chương VI

THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 33. Ngân hàng thương mại cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại quyết định thay đổi người đứng đầu hoặc khi thay đổi thông tin của người đứng đầu của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch, văn phòng đại diện việc thay đổi thông tin về người đứng đầu.

Điều 34. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 1 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có) cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại các khoản 6, 7 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 20, Điều 33 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 4, 5 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của ngân hàng thương mại cho cơ quan đăng ký kinh doanh

cấp tỉnh.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại báo cáo việc hoàn tất các thủ tục đưa phòng giao dịch đi vào hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này và kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng thương mại quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin nêu trên cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

6. Trường hợp ngân hàng thương mại có các thông tin thuộc những nội dung đăng ký kinh doanh chưa được cập nhật trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp của đơn vị mạng lưới, ngân hàng thương mại báo cáo bằng văn bản các thông tin này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin nêu trên cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

2. Có kế hoạch phát triển chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền của ngân hàng thương mại thông qua hàng năm.

3. Định kỳ 6 tháng, hằng năm lập báo cáo theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo được lập thành báo cáo điện tử gửi qua hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

4. Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

5. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.

6. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch.

7. Phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp

định.

8. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này.

Điều 36. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của ngân hàng thương mại trên địa bàn.

4. Có văn bản báo cáo và đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 30 Thông tư này.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hiện đang đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong trường hợp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch thuộc địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực khác).

Điều 37. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Đầu mối tiếp nhận, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 14, Điều 26 và Điều 30 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 14, Điều 30 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quy định tại Điều 4 Thông tư này.

4. Đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.

5. Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn

phòng đại diện quy định tại Điều 14 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

6. Tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này.

7. Giám sát việc ngân hàng thương mại duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

Điều 38. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin về tình hình xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 6 Thông tư này gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để xem xét chấp thuận hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

2. Trong quá trình thanh tra phát hiện các trường hợp quy định khoản 3, 4, 5 Điều 30 Thông tư này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp ngay thông tin cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 39. Trách nhiệm của các Vụ, Cục có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Thông tư này, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng tải các thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các Vụ, Cục khác trong Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về vấn đề liên quan khi có chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề xuất của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

Điều 40. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 32/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại;

b) Điều 3 Thông tư số 08/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Các ngân hàng thương mại không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Trường hợp thành lập mới đơn vị mạng lưới thì phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Các ngân hàng thương mại đã có văn bản đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được xử lý theo quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 40;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, ATHT1



Đoàn Thái Sơn



(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp: Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

I. Danh sách đề nghị

1. Mạng lưới hoạt động ở trong nước:

1.1. Thành lập chi nhánh:

1.1.1. Tên chi nhánh

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
- c) Tên đầy đủ bằng nước ngoài (nếu có)
- d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

1.1.3. Chi nhánh thuộc/ không thuộc vùng nông thôn.

1.2. Thành lập phòng giao dịch

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Địa điểm dự kiến (tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)		Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
	Địa điểm tại vùng nông thôn	Địa điểm khác	
a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có) c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có) d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).			

1.3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

1.3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

1.3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

2. Mạng lưới hoạt động ở nước ngoài:

2.1. Thành lập chi nhánh:

2.1.1. Tên chi nhánh

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2.1.3. Vốn cấp cho chi nhánh (dự kiến).

2.2. Thành lập ngân hàng con ở nước ngoài:

2.2.1. Tên ngân hàng con

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

2.2.2. Địa điểm đặt trụ sở ngân hàng con.

2.2.3. Vốn thành lập ngân hàng con (dự kiến).

2.2.4. Thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

2.3. Thành lập văn phòng đại diện:

2.3.1. Tên văn phòng đại diện;

2.3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định

1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

.....

1.2. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

1.3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

TT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD
.					
.					

- Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
.		
.		

- Họ và tên Tổng giám đốc:...

1.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng liền trước tính từ thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.6. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.7. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị

2.1. Lợi nhuận sau thuế năm 202....:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán:.....tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán:.....tỷ đồng

2.2. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.3. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:.....

- Dự phòng chung thực trích:

- Dự phòng cụ thể phải trích:

- Dự phòng cụ thể thực trích:

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

2.4. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

TT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD
.					
.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
-		
-		

- Họ và tên Tổng giám đốc:...

2.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.8. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.6. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

2.7. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: ...

2.8. Điều kiện bổ sung đối với việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài:

i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐ b. Không đảm bảo ☐

ii) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

iii) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

3. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

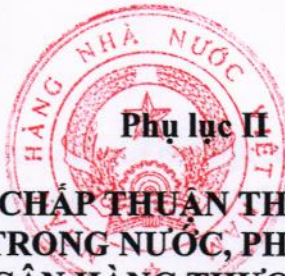
STT	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch					
	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (%)	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị (có/không)	Chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)



**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ
CHI NHÁNH Ở TRONG NƯỚC, PHÒNG GIAO DỊCH CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI
NHÁNH Ở TRONG NƯỚC, PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch như sau:

1. Tên chi nhánh/phòng giao dịch
2. Địa điểm hiện tại của chi nhánh/phòng giao dịch
3. Địa điểm dự kiến chuyển đến
4. Lý do thay đổi địa điểm
5. Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động đối với chi nhánh, phòng giao dịch đã đi vào hoạt động
6. Cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư/2025/TT-NHNN ngày/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

7. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)



**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI
HÌNH THỨC PHÁP LÝ NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có) của ngân hàng con
2. Địa điểm (tên quốc gia và địa chỉ cụ thể)
3. Mức vốn đã cấp cho ngân hàng con ở nước ngoài
4. Mức vốn dự kiến cấp thêm hoặc mức vốn giảm tại ngân hàng con ở nước ngoài khi chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có)
5. Lý do chuyển đổi hình thức pháp lý

6. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)



MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Số định danh của ngân hàng thương mại (nếu có):

Cơ quan cấp:

Ngày cấp:

Tên ngân hàng thương mại:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước như sau:

1. Tên chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động
2. Địa chỉ chi nhánh/phòng giao dịch/ văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp ở trong nước đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động
3. Lý do chấm dứt hoạt động
4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)

2. Số phát sinh tăng trong kỳ báo cáo (bao gồm các đơn vị đã được chấp thuận thành lập nhưng chưa khai trương hoạt động)								
Chi nhánh được chấp thuận thành lập mới								
Chi nhánh được chuyển đổi từ phòng giao dịch								
Phòng giao dịch được chấp thuận thành lập mới								
Phòng giao dịch được chuyển đổi từ chi nhánh								
Văn phòng đại diện								
Đơn vị sự nghiệp								
3. Số phát sinh giảm trong kỳ báo cáo (chấm dứt hoạt động, chuyển đổi)								
Chi nhánh								
Phòng giao dịch								
Văn phòng đại diện								
Đơn vị sự nghiệp								
4. Tình hình hoạt động các chi nhánh								
Số chi nhánh có chênh lệch thu chi dương								
Số chi nhánh có chênh lệch thu chi âm								
Số chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu vượt quá 3%								

Số chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 3%									
Số chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính									

Bảng 2: Báo cáo về tình hình chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Loại hình	Tên	Địa chỉ	Vốn cấp/vốn thành lập		Tình hình hoạt động (Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động)
			Bảng VND	Bảng tiền tệ nước sở tại	
1. Chi nhánh					
Các hiện diện thương mại ở nước ngoài trực thuộc chi nhánh					
2. Văn phòng đại diện					

Bảng 3: Báo cáo về tình hình ngân hàng con ở nước ngoài và việc chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài

Loại hình	Tên	Địa chỉ	Vốn cấp/vốn thành lập/số cổ phần				Tình hình hoạt động (Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài)
			Vốn góp/số cổ phần		Tỷ lệ vốn góp/tỷ lệ sở hữu cổ phần		
			Bảng VND	Bảng tiền tệ nước sở tại			
Ngân hàng con ở nước ngoài							

Mạng lưới hoạt động của ngân hàng con ở nước ngoài							
--	--	--	--	--	--	--	--

1. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm: chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm.

b) Báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo của từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật kế toán.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**
(Ký tên và đóng dấu)